

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v “Tranh chấp HN - GD”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Thanh và ông Đinh Đức Thành

-Thư ký phiên tòa: bà Mai Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 2/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: chị Vũ Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa (đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N đăng ký kết hôn ngày 27/9/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Yên nay là thị xã Q, tỉnh Q. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ có chồng và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Kết hôn được một thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tôi bất

đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau nên thường xảy ra xích mích, cãi cọ. Hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh Nguyễn Văn H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị N.

Về con chung: quá trình chung sống anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N có 01 con chung Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/01/2012. Nay ly hôn, anh Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thái B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu chị Vũ Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có bản tự khai trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 05/8/2022, trưởng khu R, phường Q, thị xã Q cung cấp: anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Yên nay là thị xã Q, tỉnh Q. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ có chồng và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Kết hôn được một thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau nên thường xảy ra xích mích, cãi cọ. Hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị Vũ Thị N, đại diện khu phố đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: quá trình chung sống anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N có 01 con chung Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/01/2012. Đại diện khu phố đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để đảm bảo quyền lợi cho con chung

Về tài sản chung, nợ chung: đại diện khu phố không nắm được nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại thông báo số 70/TB-TA ngày 18/7/2022, Tòa án thông báo cho các đương sự có mặt tại trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 05/8/2022. Do chị Vũ Thị N vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không mở được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ

án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung Nguyễn Thái B, ngày 01/01/2012. Nguyên vọng của cháu Bảo muốn được sống cùng bố khi Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Vũ Thị N và giải quyết về con chung, Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn chị Vũ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng. Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H; xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Vũ Thị N. Về con chung: giao con chung Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/01/2012 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền xét xử của Tòa án: anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị N hiện đang cư trú tại khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N đến tham gia phiên tòa sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Vũ Thị N vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Yên nay là thị xã Q, tỉnh Q. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ có chồng và không bị ai ép buộc. Sau khi kết

hôn, anh chị chung sống tại khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Kết hôn được một thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau nên thường xảy ra xích mích, cãi cọ. Hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng của anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N đã trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với chị Vũ Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung: quá trình chung sống anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N có 01 con chung Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/01/2012. Nay ly hôn, anh Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thái B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu chị Vũ Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: anh Nguyễn Văn H hiện đang làm tự do, thu nhập hàng tháng ổn định, có đủ điều kiện về kinh tế và có thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử thấy: cần giao con Nguyễn Thái B cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; 58, 81,82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Vũ Thị N.
2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Thái B, sinh ngày 01/01/2012 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vũ Thị N có quyền qua lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn H đã nộp theo Biên lai thu số 0010645 ngày 24/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.
5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Chi cục THADS TX Quảng Yên;
- TAND tỉnh Q;
- **UBND phường Quảng Yên;**
- Lưu hồ sơ, vp.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Hùng

